qǐ sǐ huí shēng

起死回生

idiom (verb phrase) · bring back to life, revive

Example Sentences

Zhè wèi yī shēng yǒu qǐ sǐ huí shēng de běn lǐng
这位医生有起死回生的本领。

This doctor has the ability to bring people back to life.

Xīn de tóu zī ràng zhè jiā gōng sī qǐ sǐ huí shēng
新的投资让这家公司起死回生。

The new investment revived this company.

Trace each character, then write the word on your own.

起 起 起 起 起 起 起 起 起 起 起
起 起

死 死 死 死 死 死 死 死 死

回 回 回 回 回 回 回 回 回

生 生 生 生 生 生 生 生